

Bản án số: 12/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 24 - 4 - 2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Kỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 228/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986. Vắng mặt

Nơi ĐKTT: Xóm A, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện tại: Xóm B, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

(có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/3/2020)

Bị đơn: Anh Cao Duy T, sinh năm 1976. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm A, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khai:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Duy T kết hôn với nhau vào ngày 29/4/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An trên

cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hòa thuận với nhau đến tháng 9 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Cao Duy T không quan tâm đến cuộc sống vợ con, thường xuyên đánh bài, uống rượu. Chị H có khuyên bảo anh T nhưng anh T không thay đổi dẫn đến vợ chồng bất hòa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nên đầu năm 2016 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục vì vậy chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh Cao Duy T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Cao Duy P, sinh ngày 19/3/2012 và Cao Duy K, sinh ngày 24/11/2015. Hiện nay hai con chung đang ở với chị H. Ly hôn chị H xin được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung từ 2.000.000 đến 2.500.000đ/tháng/hai con chung.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng do bận công việc không thể tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm. Chị H làm đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho anh Tuấn thông qua người nhà của anh T là bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh T). Bà T đã thông báo lại nội dung văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T nhưng anh T không có mặt tại Tòa án do đi làm ăn xa. Do đó, không có lời khai của anh Cao Duy T.

Tại bản tự khai cháu Cao Duy P trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn xin được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Cao Duy T có nơi cư trú tại xóm A, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu - Nghệ An. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn anh Cao Duy T đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 207 của BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ. Phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Cao Duy T nhưng anh T vắng mặt. Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần thứ 2, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn anh Cao Duy T tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Duy T kết hôn với nhau vào ngày 29/4/2011 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An. Đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân chị Nguyễn Thị H và anh Cao Duy T phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn với nhau về kinh tế trong gia đình. Chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Cao Duy T.

[3]. Về giao quyền nuôi con chung: Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung của chị Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy từ thời điểm vợ chồng sống ly thân cho đến nay con chung do chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và quá trình chị H nuôi dưỡng con chung đảm bảo các điều kiện để con chung được học tập phát triển thể chất, tinh thần. Đồng thời nguyện vọng của cháu P được ở với chị H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Anh Cao Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. Do bị đơn anh Cao Duy T vắng mặt nên HĐXX xem xét quyết định mức cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nhu cầu thiết yếu của cháu Cao Duy P và Cao Duy K, HĐXX căn cứ vào Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình quyết định mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000đ từ tháng 4/2020 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp, đảm bảo cuộc sống của hai con chung.

[5]. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Cao Duy T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Cao Duy T.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Cao Duy P, sinh ngày 19/3/2012 và Cao Duy K, sinh ngày 24/11/2015. Giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Cao Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị Nguyễn Thị H mỗi tháng 1.000.000đ/mỗi con chung tính từ tháng 4/2020 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Cao Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu theo biên lai số X ngày 20/12/2019.

Anh Cao Duy T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Cao Duy T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Diên Châu;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã DT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thế Kỷ